

ĐỀ THI & KIỂM TRA

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Ngữ văn 7 – đọc hiểu và viết

Môn: **Ngữ văn** Lớp 7 Bộ sách: **Kết nối tri thức với cuộc sống** Thời gian: **90 phút / đề**

Dành cho: **Học sinh, Phụ huynh, Gia sư**

Tài liệu do Gia Sư HCM tự biên soạn · giasuhcm.vn · Dùng cho học tập cá nhân, không bán lại.

Hướng dẫn sử dụng. Tài liệu gồm 2 đề kiểm tra cuối học kỳ I môn Ngữ văn 7, mỗi đề làm trong 90 phút, thang điểm 10. Cấu trúc mỗi đề: **Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)** gồm 8 câu trắc nghiệm (mỗi câu 0,5 điểm) và 2 câu trả lời ngắn (mỗi câu 1,0 điểm); **Phần II. Viết (4,0 điểm)** gồm 1 bài văn. Phạm vi bám nội dung học kỳ I lớp 7 theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống: các bài *Bầu trời tuổi thơ*, *Khúc nhạc tâm hồn*, *Cội nguồn yêu thương*, *Giai điệu đất nước*, *Màu sắc trăm miền* – đọc hiểu truyện, thơ bốn chữ và năm chữ; thực hành tiếng Việt (mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ, số từ, phó từ, biện pháp tu từ, nghĩa của từ trong ngữ cảnh); viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật và bài văn biểu cảm về con người. Ngữ liệu đọc hiểu do Gia Sư HCM tự biên soạn. Gia sư có thể điều chỉnh tỉ lệ điểm theo cấu trúc đề của từng trường.

ĐỀ SỐ 1

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề.

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

CON ĐIỀU CỦA ÔNG

Hồi tôi lên tám, ông nội làm cho tôi một con điều. Ông chọn một cây tre bánh tẻ ở góc vườn, chẻ thành những nan mỏng rồi vót đi vót lại cho thật đều. Bàn tay ông gầy guộc, nổi gân xanh, nhưng con dao trong tay ông đưa đi nhẹ nhàng như đang vuốt ve từng sợi nan. Tôi ngồi bên cạnh, hết hỏi chuyện này đến chuyện khác. Ông vừa làm vừa cười:

– Làm điều cũng như làm người, cháu ạ. Khung có cân thì điều mới bay vững.

Ba ngày sau, con điều hoàn thành. Ông dán giấy màu xanh lơ, buộc thêm một chiếc sáo nhỏ bằng ống trúc. Chiều hôm ấy, hai ông cháu ra đê. Gió nồm thổi lồng lộng. Ông giữ điều, tôi cầm dây chạy ngược chiều gió. Con điều chao đảo mấy lần rồi vút lên cao, tiếng sáo vi vu như ai đang hát giữa trời. Tôi reo lên sung sướng. Ông đứng sau lưng tôi, mắt nheo lại nhìn theo, miệng cười hiền hậu.

Từ đó, chiều nào hai ông cháu cũng ra đê thả điều. Ông dạy tôi cách nhìn mây đoán gió, cách nói dây khi điều chúi xuống. Có hôm điều mắc vào ngọn cây gạo đầu làng, tôi khóc òa. Ông

không mắng, chỉ lững lờ về nhà làm cho tôi một con khác, còn đẹp hơn con trước.

Năm tôi học lớp sáu, gia đình chuyển lên thành phố. Hôm chia tay, ông dúi vào tay tôi con điều xanh, giọng khàn khàn:

– Trên phố không có đê, cháu cứ giữ lấy mà nhớ quê.

Tôi treo con điều ở góc phòng. Những tối học bài mỗi mắt, tôi lại ngược nhìn cánh điều xanh đã bạc màu, nghe như văng vẳng đâu đây tiếng sáo vi vu trên con đê lộng gió.

Mùa hè năm nay, tôi về quê. Ông đã yếu nhiều, đi lại phải chống gậy. Tôi lấy tre, tự tay chẻ nan, vót nan như ông đã dạy, làm một con điều mới. Chiều ấy, tôi dìu ông ra đê. Con điều tôi làm bay lên chậm chạp, hơi lệch về một bên, nhưng rồi cũng lên cao. Ông nhìn theo, đôi mắt mờ đục bỗng sáng lên:

– Cháu ông giỏi rồi!

Tôi quay đi, giấu đôi mắt cay cay. Tôi hiểu, con điều ấy không chỉ bay trên bầu trời quê, nó còn mang theo cả tuổi thơ tôi và tình yêu thương ông dành cho tôi.

Ngữ liệu: Gia Sư HCM biên soạn

Trắc nghiệm (4,0 điểm – mỗi câu 0,5 điểm). Chọn phương án đúng.

1. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- | | |
|--|------------------------------------|
| A. Ngôi thứ nhất, người kể là người cháu | B. Ngôi thứ ba, người kể giấu mình |
| C. Ngôi thứ nhất, người kể là người ông | D. Ngôi thứ hai |

2. Ông làm con điều đầu tiên cho cháu bằng những vật liệu nào?

- | | |
|-------------------------------|--|
| A. Gỗ, vải và dây thép | B. Nan tre, giấy màu xanh lơ và sáo ống trúc |
| C. Nhựa, giấy báo và sáo đồng | D. Nan nứa, lá chuối và dây gai |

3. Câu văn “Con điều chao đảo mấy lần rồi vút lên cao, tiếng sáo vi vu như ai đang hát giữa trời.” sử dụng biện pháp tu từ nào?

- | | |
|-------------|------------|
| A. Điệp ngữ | B. Nói quá |
| C. So sánh | D. Ẩn dụ |

4. Từ nào là số từ trong câu “Ba ngày sau, con điều hoàn thành.”?

- | | |
|---------------|--------|
| A. ngày | B. sau |
| C. hoàn thành | D. Ba |

5. Phó từ “đã” trong câu “Ông đã yếu nhiều, đi lại phải chống gậy.” bổ sung ý nghĩa gì cho động từ, tính từ đứng sau?

- | | |
|---|----------------------|
| A. Ý nghĩa thời gian (sự việc đã diễn ra) | B. Ý nghĩa phủ định |
| C. Ý nghĩa mức độ | D. Ý nghĩa cầu khiến |

6. Trong câu “Con điều tôi làm bay lên chậm chạp.”, chủ ngữ được mở rộng bằng

- | | |
|------------------------------------|-----------------------------------|
| A. cụm động từ “bay lên chậm chạp” | B. cụm danh từ “con điều tôi làm” |
| C. cụm tính từ “chậm chạp” | D. cụm danh từ “con điều” |

7. Khi điều mắc vào ngọn cây gạo, ông đã làm gì?

- | | |
|---|--|
| A. Mắng cháu vì thả điều không cẩn thận | B. Trèo lên cây để gỡ điều |
| C. Mua cho cháu một con điều mới ở chợ | D. Lặng lẽ về nhà làm cho cháu một con điều khác đẹp hơn |

8. Câu nói của ông “Làm điều cũng như làm người, cháu ạ. Khung có cân thì điều mới bay vững.” gợi ra điều gì?

- | | |
|---|---|
| A. Làm điều là một nghề khó | B. Muốn điều bay cao phải chọn ngày có gió to |
| C. Con người cần có nền tảng tốt, sống ngay thẳng, cân bằng thì mới vững vàng | D. Người già thường thích làm điều |

Trả lời ngắn / tự luận (2,0 điểm).

- 9.** (1,0 điểm) Tìm ít nhất hai chi tiết thể hiện tình yêu thương của ông dành cho cháu. Qua các chi tiết đó, em thấy người ông là người như thế nào?
- 10.** (1,0 điểm) Theo em, vì sao ở cuối truyện, nhân vật “tôi” lại “quay đi, giấu đôi mắt cay cay”? Từ câu chuyện, em rút ra bài học gì về tình cảm gia đình? (Trình bày trong khoảng 5–7 dòng.)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật người ông trong văn bản *Con điều của ông* ở phần Đọc hiểu.

ĐỀ SỐ 2

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề.

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

CHIỀU MƯA BÊN BẾP

Chiều mưa giăng ngoài ngõ,
Mẹ nhóm lửa bên hiên.
Khói vương trên mái lá,
Mắt mẹ cay mà hiền.

Nồi khoai thơm nghi ngút,
Mẹ dành con phần nhiều.
Mẹ cười: “Mẹ no rồi” –
Câu nói dối thương yêu.

Mưa gõ lên tàu chuối,
Tí tách như lời ru.
Con ngồi bên bếp ấm,
Quên ngoài trời mịt mù.

Mai con lớn, đi xa,
Nhớ khói chiều quê nhà,
Nhớ nồi khoai mẹ nấu,
Nhớ lửa hồng hiên xưa.

Ngữ liệu: Gia Sư HCM biên soạn

Trắc nghiệm (4,0 điểm – mỗi câu 0,5 điểm). Chọn phương án đúng.

1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- | | |
|----------------|----------------|
| A. Thơ bốn chữ | B. Thơ lục bát |
| C. Thơ năm chữ | D. Thơ tự do |

2. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là

- | | |
|-------------|---------------|
| A. tự sự. | B. biểu cảm. |
| C. miêu tả. | D. nghị luận. |

3. Trong khổ thơ thứ nhất, những tiếng nào hiệp vần với nhau?

- | | |
|-------------------|--------------------|
| A. “ngõ” – “lá” | B. “mưa” – “mẹ” |
| C. “lửa” – “khói” | D. “hiên” – “hiên” |

4. Hai dòng thơ “Mưa gõ lên tàu chuối, / Tí tách như lời ru.” sử dụng những biện pháp tu từ nào?

- | | |
|------------------------|------------------------|
| A. Nhân hóa và so sánh | B. Điệp ngữ và ẩn dụ |
| C. Nói quá và hoán dụ | D. Liệt kê và điệp ngữ |

5. Từ “nghi ngút” trong dòng thơ “Nồi khoai thơm nghi ngút” có nghĩa là

- | | |
|---|----------------------|
| A. lạnh lẽo, nguội ngắt. | B. thừa thớt, ít ỏi. |
| C. (khói, hơi) bốc lên nhiều và liên tục. | D. nhỏ bé, xinh xắn. |

6. Câu nói “Mẹ no rồi” cho thấy điều gì ở người mẹ?

- | | |
|----------------------------|--|
| A. Mẹ không thích ăn khoai | B. Mẹ nhường phần ăn cho con vì thương con |
| C. Mẹ vừa ăn xong bữa tối | D. Mẹ muốn con ăn nhanh để đi học |

7. Hình ảnh “bếp ấm” đặt cạnh “ngoài trời mịt mù” ở khổ thơ thứ ba có tác dụng gì?

- | | |
|--|--|
| A. Tả cơn mưa to sắp kéo đến | B. Cho thấy căn bếp quá chật hẹp |
| C. Nhấn mạnh thời tiết lạnh của mùa đông | D. Làm nổi bật sự ấm áp, bình yên con có được bên mẹ |

8. Biện pháp tu từ nổi bật trong khổ thơ cuối là

- | | |
|--------------------|------------------------|
| A. điệp ngữ “Nhớ”. | B. nói giảm nói tránh. |
| C. nhân hóa. | D. so sánh. |

Trả lời ngắn / tự luận (2,0 điểm).

9. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về cách nói “câu nói dối thương yêu” trong khổ thơ thứ hai?

10. (1,0 điểm) Bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì về tình mẹ? Em sẽ làm gì để thể hiện tình yêu thương với cha mẹ? (Trình bày trong khoảng 5–7 dòng.)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn biểu cảm về một người thân trong gia đình mà em yêu quý.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Giáo viên/gia sư chấm linh hoạt, khuyến khích bài viết có cảm xúc chân thật, suy nghĩ riêng. Ý trong đáp án là gợi ý; học sinh diễn đạt khác nhưng hợp lí vẫn cho điểm.

ĐỀ SỐ 1

Phần I. Đọc hiểu

1. A	2. B	3. C	4. D	5. A	6. B	7. D	8. C
------	------	------	------	------	------	------	------

Giải thích ngắn. Câu 1: người kể xưng “tôi”, là người cháu. Câu 3: từ so sánh “như”. Câu 4: “Ba” chỉ số lượng. Câu 5: “đã” là phó từ chỉ quan hệ thời gian. Câu 6: chủ ngữ là cụm danh từ “con điều tôi làm” (danh từ trung tâm “điều”, có phụ ngữ “tôi làm”). Câu 8: lời ông mượn chuyện làm điều để nói về cách làm người.

Câu 9 (1,0 điểm).

- Nêu được ít nhất hai chi tiết (0,5 điểm): ông mất ba ngày tử mĩ chẻ, vót nan làm điều cho cháu; chiều nào cũng cùng cháu ra đê thả điều, dạy cháu nhìn mây đoán gió; điều mắc cây, ông không mắng mà lặng lẽ làm con khác đẹp hơn; trao con điều cho cháu mang lên phố để nhớ quê; vui mừng khen “Cháu ông giỏi rồi!”.
- Nhận xét (0,5 điểm): ông là người hiền hậu, khéo tay, kiên nhẫn, bao dung và hết mực yêu thương cháu.

Câu 10 (1,0 điểm).

- Lí do (0,5 điểm): nhân vật “tôi” xúc động khi thấy ông đã già yếu nhưng vẫn vui mừng, tự hào về cháu; “tôi” nhận ra tình thương và những bài học ông trao cho mình; có thể có cả nỗi lo, thương ông tuổi đã cao.
- Bài học (0,5 điểm): trân trọng, biết ơn tình yêu thương của ông bà, cha mẹ; dành thời gian quan tâm, chăm sóc người thân khi còn có thể; giữ gìn những kỉ niệm, bài học từ người thân.

Phần II. Viết (4,0 điểm) – Bài văn phân tích đặc điểm nhân vật người ông

Tiêu chí	Điểm
Đảm bảo cấu trúc bài văn: mở bài giới thiệu nhân vật, thân bài phân tích các đặc điểm, kết bài đánh giá	0,25
Xác định đúng yêu cầu: phân tích đặc điểm nhân vật người ông	0,25
Triển khai: nêu đặc điểm, có dẫn chứng từ văn bản và phân tích dẫn chứng (xem gợi ý)	2,5
Chính tả, ngữ pháp, dùng từ	0,5

Sáng tạo: cách diễn đạt sinh động, có cảm nhận riêng, liên hệ phù hợp

0,5

Gợi ý triển khai:

Mở bài: Giới thiệu văn bản *Con diều của ông* và nhân vật người ông – hình ảnh để lại nhiều xúc động.

Thân bài:

1. Ngoại hình: bàn tay gầy guộc, nổi gân xanh; khi về già yếu, chống gậy, đôi mắt mờ đục – gợi một người ông lam lũ, tuổi đã cao.

2. Khéo léo, tỉ mỉ, kiên nhẫn: chọn tre bánh tẻ, chẻ nan, vót “đi vót lại cho thật đều”, con dao đưa “nhẹ nhàng như đang vuốt ve” – sự tỉ mỉ ấy chứa đựng tình thương.

3. Hiền hậu, bao dung: luôn cười hiền; khi diều mắc cây, ông “không mắng”, lặng lẽ làm con khác đẹp hơn.

4. Người thầy đầu tiên của cháu: dạy cháu cách nhìn mây đoán gió, nối dây; qua câu nói “Làm diều cũng như làm người...”, ông dạy cháu bài học sống ngay thẳng, vững vàng.

5. Yêu thương cháu sâu sắc, gắn bó với quê: trao con diều để cháu “nhớ quê”; vui mừng, tự hào khi cháu tự làm được diều.

6. Nghệ thuật xây dựng nhân vật: qua lời nói, hành động, chi tiết ngoại hình; kể theo ngôi thứ nhất giúp câu chuyện chân thực, giàu cảm xúc; hình ảnh con diều mang ý nghĩa biểu tượng.

Kết bài: Khẳng định vẻ đẹp của người ông; nêu cảm nghĩ và liên hệ tình cảm của bản thân với ông bà.

ĐỀ SỐ 2

Phần I. Đọc hiểu

1. C	2. B	3. D	4. A	5. C	6. B	7. D	8. A
------	------	------	------	------	------	------	------

Giải thích ngắn. Câu 1: mỗi dòng có 5 tiếng. Câu 3: “hiên” (cuối dòng 2) và “hiền” (cuối dòng 4) có cùng vần “iên”. Câu 4: “mưa gõ” là nhân hóa (gán hành động của người cho mưa); “như lời ru” là so sánh. Câu 7: phép đối lập trong – ngoài làm nổi bật sự ấm áp của tình mẹ. Câu 8: “Nhớ” lặp lại ở ba dòng thơ.

Câu 9 (1,0 điểm).

– Mẹ nói “Mẹ no rồi” nhưng thực ra mẹ chưa no, mẹ nói vậy để nhường phần khoai cho con (0,5 điểm).

– Đó là lời nói dối xuất phát từ tình yêu thương, đức hi sinh thầm lặng của mẹ; người con hiểu và trân trọng điều đó (0,5 điểm).

Câu 10 (1,0 điểm).

– Suy nghĩ về tình mẹ (0,5 điểm): tình mẹ ấm áp, bao la, hi sinh thầm lặng; là chỗ dựa và

nơi bình yên của con; theo con suốt cuộc đời.
– Hành động cụ thể (0,5 điểm): ví dụ chăm ngoan, học tập tốt; phụ giúp việc nhà; nói lời cảm ơn, hỏi han khi cha mẹ mệt; không làm cha mẹ buồn lòng.

Phần II. Viết (4,0 điểm) – Bài văn biểu cảm về một người thân

Tiêu chí	Điểm
Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm: mở bài, thân bài, kết bài	0,25
Xác định đúng đối tượng biểu cảm: một người thân cụ thể	0,25
Triển khai: giới thiệu người thân, nêu những đặc điểm nổi bật gắn với kỉ niệm; bày tỏ cảm xúc chân thành, có sự kết hợp tự sự, miêu tả	2,5
Chính tả, ngữ pháp, dùng từ	0,5
Sáng tạo: cảm xúc chân thật, cách thể hiện mới mẻ	0,5

Gợi ý triển khai:

Mở bài: Giới thiệu người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh chị...) và tình cảm khái quát của em.

Thân bài:

- Những nét ngoại hình gợi cảm xúc (đôi bàn tay, mái tóc, nụ cười...), tránh tả tràn lan.
- Tính cách, thói quen, việc làm hằng ngày thể hiện tình yêu thương, sự hi sinh của người thân.
- Một hoặc hai kỉ niệm đáng nhớ: kể ngắn gọn, tập trung vào cảm xúc của em lúc đó và khi nhớ lại.
- Bày tỏ trực tiếp tình cảm: yêu thương, biết ơn, có khi là ân hận vì một lần làm người thân buồn.

Kết bài: Khẳng định vị trí của người thân trong lòng em; mong ước, lời hứa của bản thân.

Lưu ý chấm: bài văn chủ yếu kể chuyện mà thiếu cảm xúc chỉ đạt tối đa 1,5 điểm phần triển khai; bài có cảm xúc chân thành, gắn với kỉ niệm cụ thể được đánh giá cao hơn bài dùng nhiều từ ngữ sáo rỗng.